

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA ĐIỆN – ĐIỆN TỬ

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC
MÃ SỐ: 7510302**

Đà Nẵng, 10/2020

I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Thông tin chung

1. Tên chương trình: Công nghệ Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông
2. Chuyên ngành: Điện tử - Máy tính và Viễn thông
3. Bậc: Đại học
4. Loại bằng: Kỹ sư
5. Loại hình đào tạo: Chính quy
6. Thời gian: 4 năm
7. Số tín chỉ: 131
8. Khoa quản lý: Khoa Điện – Điện tử
9. Ngôn ngữ: Tiếng Việt
10. Ban hành: Theo Quyết định số 578/QĐ-ĐHSPKT, ngày 16.10.2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật Điện tử - viễn thông; có khả năng học tập suốt đời, khả năng sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc và có trách nhiệm nghề nghiệp; có sức khỏe, có ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể: Chương trình này nhằm đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật công nghệ ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông:

O1. Có khả năng áp dụng kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực điện tử máy tính và truyền thông trong công tác chuyên môn.

O2. Có khả năng phân tích và giải quyết vấn đề; khả năng tự nghiên cứu các kiến thức khoa học công nghệ tiên tiến để phát triển kỹ năng học tập suốt đời; có đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

O3. Có khả năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả.

O4. Có khả năng tư vấn, thiết kế, tổ chức thi công và vận hành các hệ thống thuộc lĩnh vực thiết kế vi mạch, điện tử máy tính và mạng truyền thông đáp ứng các yêu cầu thực tiễn về kinh tế, xã hội, môi trường, an toàn lao động và sản xuất bền vững

1.3. Chuẩn đầu ra

STT	CHUẨN ĐẦU RA
-----	--------------

P1	Có khả năng vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên ngành trong công tác chuyên môn.
P2	Có khả năng vận dụng kiến thức để xác định, phân tích, giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan
P3	Có khả năng nghiên cứu, thử nghiệm và khám phá công nghệ thuộc lĩnh vực Điện tử - viễn thông
P4	Có khả năng nhận thức được nhu cầu học tập của bản thân và có khả năng học tập suốt đời.
P5	Có ý thức về đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm đối với xã hội và môi trường.
P6	Có khả năng giao tiếp, trình bày và báo cáo kết quả.
P7	Có khả năng hợp tác và làm việc theo nhóm để thực hiện công việc một cách hiệu quả.
P8	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong trong hoạt động chuyên môn.
P9	Có khả năng thực thi các hệ thống nhúng và vi điện tử; khả năng tư vấn, thiết kế, tổ chức thi công và vận hành các hệ thống trong lĩnh vực điện tử máy tính và truyền thông đáp ứng các yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh xã hội và môi trường, doanh nghiệp và kinh doanh.

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT:

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra CTĐT								
	P1	P2	P3	P4	P5	P6	P7	P8	P9
O1	X								
O2		X	X	X	X				
O3						X	X	X	
O4									X

1.4. Cơ hội nghề nghiệp

- + Kỹ sư/Chuyên viên kỹ thuật thực thi các công việc thiết kế, lập trình, kiểm thử các sản phẩm ứng dụng thuộc lĩnh vực điện tử, hệ thống nhúng và vi mạch điện tử.
- + Kỹ sư vận hành, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tiến nâng cấp các tại các nhà máy sản xuất thiết bị điện tử; các đơn vị cung cấp hệ thống truyền dẫn và dịch vụ số; các sở ngành hoạt động trong lĩnh vực điện tử, máy tính và viễn thông.
- + Chuyên viên kỹ thuật; kỹ sư tư vấn thiết kế, nghiên cứu phát triển tại các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy hoạt động trong lĩnh vực điện tử, tin học và viễn thông.
- + Giảng dạy tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp có đào tạo ngành Điện, Điện tử.

1.5. Tuyển sinh - điều kiện nhập học

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức được công bố trong đề án tuyển sinh hằng năm. Điểm xét tuyển là điểm của tổ hợp môn được công bố trong thông báo tuyển sinh. Thí sinh phải đạt tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và

Đào tạo và Hội đồng tuyển sinh Đại học quy định, đồng thời đạt điểm chuẩn xét tuyển vào ngành do Hội đồng tuyển sinh công bố ở mỗi đợt xét tuyển.

1.6. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo được triển khai theo học chế tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Đà Nẵng và của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật. Mỗi năm học có 2 học kỳ chính và một học kỳ hè. Số giờ lên lớp trung bình 20 tiết/tuần. Cách thức kiểm tra đánh giá được qui định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

1.7. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp phải thỏa mãn các tiêu chí công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo tín chỉ của Giáo dục và Đào tạo, có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu ra của nhà trường về Ngoại ngữ, Tin học, Kỹ năng mềm.

1.8. Khả năng phát triển nghề nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội học lên bậc sau đại học: Thạc sĩ - Tiến sĩ;
Sinh viên có khả năng chuyển đổi chuyên ngành hoặc học thêm chuyên ngành thứ 2 phù hợp với ngành đào tạo;

Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc và khả năng học tập suốt đời.

1.9. Chiến lược giảng dạy - học tập

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

+ Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

+ Thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

+ Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

+ Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

+ Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

+ Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment), dự án (Project) và nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team).

+ Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

+ Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

+ Thí nghiệm (Experiment): Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giảng viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

+ Dự án (Project): Là phương pháp học trong đó giảng viên tổ chức cho sinh viên học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Dự án ở đây được hiểu là những nhiệm vụ phức tạp từ các vấn đề mang tính chất kích thích người học tìm hiểu, khám phá. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình. Phương pháp học dựa trên dự án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài và liên môn, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ đời sống hiện tại. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên dự án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình, và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án.

+ Nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được áp dụng theo chiến lược này gồm có phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning).

+ Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề

đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

+ Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

+ Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên

1.9.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment). Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

1.9.6. Dạy học trực tuyến

Học tập trực tuyến (e-learning) là phương thức học tập trong đó sinh viên dùng các thiết bị kết nối Internet để có thể kết nối với giảng viên thông qua các công cụ dạy học thời gian thực, truy cập nguồn tài nguyên học tập được lưu trữ trên các nền tảng số. Giảng viên tương tác từ xa và có thể gửi học liệu số (hay học liệu điện tử) là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: giáo trình điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác cho người học thông qua các hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System).

E-learning với những ưu điểm trong dạy học làm thay đổi mạnh mẽ kỹ năng tự học của người học do khả năng cá nhân hóa cũng như đáp ứng hiệu quả các hoạt động học tập của người học. Cùng với sự phát triển của công nghệ, việc xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiện đại, xây dựng các nội dung giảng dạy trực tuyến được phát triển theo hướng ngày càng tiếp cận gần hơn với người học.

1.10. Phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

1.10.1. Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

+ Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.

+ Đánh giá bài tập (Work Assignment): Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo, sinh viên được yêu cầu yêu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

1.10.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)

+ Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là

thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

+ Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

+ Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

+ Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

+ Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết(*) HP học trước HP song hành(+)
			LT-BT	TH-TN	Th. tập		
1. Kiến thức Giáo dục Đại cương							
1.1. Các học phần bắt buộc							
1	5319001	Đại số tuyến tính	2	0	0	2	
2	5209001	Đường lối CM của ĐCSVN	3	0	0	3	NLCB của CNMLN I
3	5319002	Giải tích I	3	0	0	3	
4	5413002	Ngoại Ngữ I	3	0	0	3	Ngoại Ngữ cơ bản(*)
5	5413003	Ngoại Ngữ II	2	0	0	2	Ngoại Ngữ I
6	5413004	Ngoại ngữ III	2	0	0	2	Ngoại Ngữ II
7	5209002	NLCB của CNMLN I	2	0	0	2	
8	5209003	NLCB của CNMLN II	3	0	0	3	NLCB của CNMLN I
9	5211005	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	
10	5505082	TH Tin học văn phòng	0	1	0	1	Tin học văn phòng(+)
11	5505097	Tin học đại cương	2	0	0	2	
12	5505098	Tin học văn phòng	2	0	0	2	
13	5505108	Toán chuyên ngành	2	0	0	2	Giải tích I
14	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	NLCB của CNMLN I

15	5305004	Vật Lý Điện - Từ	2	0	0	2	
16	5504085	Vẽ kỹ thuật	2	0	0	2	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy bắt buộc học phần đại cương						35	
1.2. Các học phần tự chọn tự do							
1	5319003	Giải tích II	2	0	0	2	Giải tích I -
2	5413001	Ngoại Ngữ cơ bản	3	0	0	3	
3	5413005	Ngoại Ngữ IV	2	0	0	2	Ngoại ngữ III -
4	5413006	Ngoại Ngữ V	2	0	0	2	Ngoại Ngữ IV -
5	5305002	Vật lý Cơ - Nhiệt	2	0	0	2	
6	5305005	Vật Lý Quang - Nguyên tử	2	0	0	2	
7	5319005	Xác suất Thống kê	2	0	0	2	Giải tích I -
Tổng số tín chỉ phải tích lũy học phần giáo dục đại cương						35	
1.3. Các học phần tích lũy Chứng chỉ thể chất & Chứng chỉ quốc phòng							
1	5502001	Giáo dục quốc phòng	0	0	4	4	
2	5013001	Giáo dục thể chất I	0	1	0	1	
3	5013002	Giáo dục thể chất II	0	1	0	1	
4	5013003	Giáo dục thể chất III	0	1	0	1	
5	5013004	Giáo dục thể chất IV	0	1	0	1	
1.4. Các học phần kiến thức kỹ năng mềm – bắt buộc tích lũy 3 tín chỉ							
1.	5505151	Dự án khởi nghiệp ĐT	0	0	1	1	Khởi nghiệp - việc làm
2.	5507014	Giáo dục Môi trường	1	0	0	1	
3.	5502002	Khởi nghiệp - việc làm	1	0	0	1	
4.	5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	0	0	1	
5.	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1	0	0	1	
6.	5502008	Kỹ năng lãnh đạo	1	0	0	1	Kỹ năng làm việc nhóm -
7.	5502005	Phát triển dự án	2	0	0	2	
8.	5502006	Phương pháp học tập NCKH	2	0	0	2	
2. Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp							
2.1. Các học phần cơ sở - bắt buộc							
1.	5505001	An toàn điện	2	0	0	2	Kỹ thuật lập trình C
2.	5505234	Cấu trúc dữ liệu - thuật toán	2	0	0	2	Tin học đại cương
3.	5505127	Cơ sở dữ liệu I	2	0	0	2	Linh kiện điện tử
4.	5505134	Công nghệ vi điện tử	2	0	0	2	Lý thuyết mạch điện tử 1
5.	5505027	Đo lường điện - điện tử	2	0	0	2	Linh kiện điện tử
6.	5505035	Kỹ thuật cảm biến	2	0	0	2	Tin học đại cương
7.	5505042	Kỹ thuật lập trình C	2	0	0	2	Kỹ thuật xung số
8.	5505047	Kỹ thuật Vi xử lý	3	0	0	3	Linh kiện điện tử
9.	5505048	Kỹ thuật xung số	2	0	0	2	Kỹ thuật lập trình C
10.	5505168	Lập trình hướng đối tượng Java	3	0	0	3	
11.	5505176	Linh kiện điện tử	2	0	0	2	Đại số tuyến tính
12.	5505178	Lý thuyết mạch điện tử 1	2	0	0	2	Lý thuyết mạch điện tử 1
13.	5505179	Lý thuyết mạch điện tử 2	1	1	0	2	Kỹ thuật lập trình C

14.	5505054	Matlab và simulink	1	0	0	1	
15.	5505187	Nhập môn ngành Điện tử- Viễn thông	0	1	0	1	
16.	5505199	TH điện cơ bản	0	2	0	2	Linh kiện điện tử(+)
17.	5505066	TH Điện tử	0	1	0	1	Kỹ thuật lập trình C(+)
18.	5505070	TH Kỹ thuật lập trình C	0	1	0	1	Nhập môn ngành Điện tử- Viễn thông(+)
19.	5505211	TH nhập môn Điện tử- Viễn thông	0	2	0	2	Kỹ thuật xung số
20.	5505086	TH Xung số & ứng dụng	2	0	0	2	Kỹ thuật xung số
21.	5505264	Thông tin số	0	1	0	1	Đo lường điện - điện tử(+)
22.	5505100	TN Đo lường và Cảm biến	1	0	0	1	
23.	5505115	Tư duy thiết kế	2	0	0	2	Toán chuyên ngành
24.	5505116	Xử lý tín hiệu số	2	0	0	2	Kỹ thuật lập trình C
Tổng số tín chỉ phải tích lũy các học phần cơ sở						43	
2.2. Các học phần chuyên ngành – bắt buộc							
1.	5505241	Cấu trúc phần cứng máy tính	2	0	0	2	Kỹ thuật xung số
2.	5505125	Chuyên đề ngành Điện tử - Viễn thông	1	0	1	2	Hệ thống nhúng
3.	5505013	Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi	2	0	0	2	Cấu trúc phần cứng máy tính
4.	5505144	Đồ án Tốt nghiệp VT	0	0	10	10	Hệ thống nhúng; Kỹ thuật mạch điện tử(*)
5.	5505145	Đồ án VT1	0	0	2	2	Kỹ thuật mạch điện tử
6.	5505146	Đồ án VT2	0	0	2	2	Hệ thống nhúng
7.	5505029	Hệ thống nhúng	2	0	0	2	Kỹ thuật Vi xử lý
8.	5505159	Học kỳ doanh nghiệp VT	0	0	5	5	Kỹ thuật mạch điện tử
9.	5505043	Kỹ thuật mạch điện tử	3	0	0	3	Linh kiện điện tử
10.	5505164	Kỹ thuật vi điều khiển A	2	0	0	2	Kỹ thuật xung số
11.	5505174	Lập trình ứng dụng	1	1	0	2	Kỹ thuật lập trình C
12.	5505182	Mạng máy tính truyền thông	2	0	0	2	Tin học đại cương
13.	5505184	Ngoại ngữ chuyên ngành ĐTVT	1	1	0	2	Ngoại ngữ III
14.	5505069	TH ĐK ghép nối TB ngoại vi	0	1	0	1	Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi(+)
15.	5505074	TH lập trình nhúng	0	2	0	2	Hệ thống nhúng
16.	5505210	TH Mạng máy tính và truyền thông	0	1	0	1	Mạng máy tính truyền thông(+)
17.	5505214	TH vi điều khiển A	0	1	0	1	Kỹ thuật vi điều khiển A
18.	5505221	Thiết kế vi mạch số	2	0	1	3	Công nghệ vi điện tử
19.	5505103	TN mạch điện tử	0	1	0	1	Kỹ thuật mạch điện tử
Tổng số tín chỉ tích lũy bắt buộc học phần chuyên ngành						47	
2.3. Các học phần chuyên nghiệp - tự chọn bắt buộc							
1.	5505129	Cơ sở và ứng dụng IoTs	2	0	0	2	Mạng máy tính truyền thông

2.	5505133	Công nghệ RFID	1	0	1	2	Kỹ thuật xung số
3.	5505139	Điều khiển thông minh	2	0	0	2	Kỹ thuật xung số
4.	5505155	Hệ điều hành	2	0	0	2	Tin học đại cương
5.	5505167	Lập trình di động	1	0	1	2	Lập trình hướng đối tượng Java
6.	5505275	Lập trình Python	2	1	0	3	Xử lý tín hiệu số
7.	5505276	Lý thuyết học sâu và ứng dụng	2	1	0	3	Xử lý tín hiệu số
8.	5505287	Thiết kế Web cơ bản	1	1	0	2	Tin học đại cương
9.	5505233	Xử lý ảnh	2	0	0	2	Xử lý tín hiệu số
10.	5505129	Cơ sở và ứng dụng IoTs	2	0	0	2	Mạng máy tính truyền thông
Tổng số tín chỉ tích lũy tự chọn bắt buộc HP chuyên nghiệp							6
Tổng số tín chỉ phải tích lũy phần giáo dục chuyên nghiệp							96
Tổng số							131

2.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

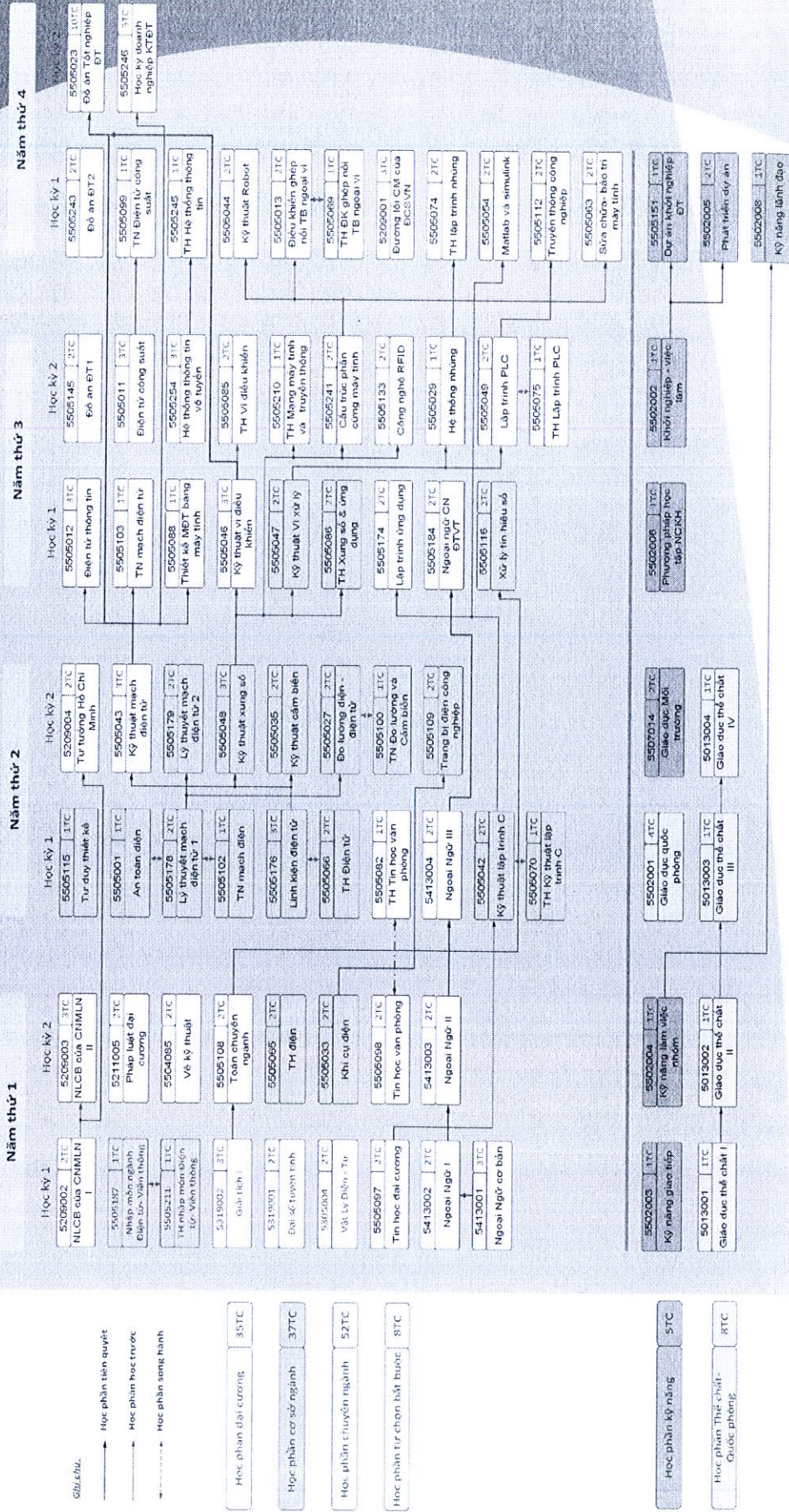
Số TT	Tên học phần	Mã học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT									
			P 1	P 2	P 3	P 4	P 5	P 6	P 7	P 8	P 9	
1.	Đại số tuyến tính	5319001	S			M						
2.	Đường lối CM của ĐCSVN	5209001	S			W	M					
3.	Giải tích I	5319002	S			M						
4.	Ngoại Ngữ I	5413002				M		W	W	S		
5.	Ngoại Ngữ II	5413003				M		W	W	S		
6.	Ngoại ngữ III	5413004				M		W	W	S		
7.	NLCB của CNMLN I	5209002	S			W	M					
8.	NLCB của CNMLN II	5209003	S			W	M					
9.	Pháp luật đại cương	5211005	M				S					
10.	TH Tin học văn phòng	5505082	M		W	W					S	
11.	Tin học đại cương	5505097	M		W	W					S	
12.	Tin học văn phòng	5505098	M		W	W					S	
13.	Toán chuyên ngành	5505108	S			W	S					
14.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5209004	S			M						
15.	Vật Lý Điện - Từ	5305004	S			M						
16.	Vẽ kỹ thuật	5504085	M		W	W		W				
17.	Giải tích II	5319003	M			M						
18.	Ngoại Ngữ cơ bản	5413001				M		W	W	M		
19.	Ngoại Ngữ IV	5413005				M		W	W	M		
20.	Ngoại Ngữ V	5413006				M		W	W	M		
21.	TH Tin học đại cương	5505080	M		W	W					S	
22.	Vật lý Cơ - Nhiệt	5305002	M			M						
23.	Vật Lý Quang - Nguyên tử	5305005	M			M						
24.	Xác suất Thống kê	5319005	M			M						
25.	Giáo dục quốc phòng	5502001					S					M
26.	Giáo dục thể chất I	5013001					S					M

71.	Kỹ thuật vi điều khiển A	5505164	S	M	M	M						M
72.	Lập trình ứng dụng	5505174	M		S	W						M
73.	Mạng máy tính truyền thông	5505182	S	M	M	M						M
74.	Ngoại ngữ chuyên ngành ĐTVT	5505184	M			W		W		S		
75.	TH ĐK ghép nối TB ngoại vi	5505069	M	S	S	M	W		W			M
76.	TH lập trình nhúng	5505074	W	S	M	W		W		M		
77.	TH Mạng máy tính và truyền thông	5505210	M	S	S	M	W		W			M
78.	TH vi điều khiển A	5505214	M	S	S	M	W		W			M
79.	Thiết kế vi mạch số	5505221	M	M	M	W	W	W		S	W	
80.	TN mạch điện tử	5505103	M	S	S	M	W		W			M
81.	Cơ sở và ứng dụng IoTs	5505129	M	M	W							M
82.	Công nghệ RFID	5505133		M	M	M	W			M	W	
83.	Điều khiển thông minh	5505139	M	M	W							M
84.	Hệ điều hành	5505155	M	M	W							M
85.	Lập trình di động	5505167	M	M	W					M	M	
86.	Lập trình Python	5505275	M	M	W					S	M	
87.	Lý thuyết học sâu và ứng dụng	5505276	M	M	W					M	M	
88.	Thiết kế Web cơ bản	5505287	M	M	W					M	M	
89.	Xử lý ảnh	5505233	M	M	W							M

2.3. Cây chương trình



CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CNKT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ



2.4. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
1	5319001	Đại số tuyến tính	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5319002	Giải tích I	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	5502001	Giáo dục quốc phòng	4	Học phần bắt buộc - Chứng chỉ
	5013001	Giáo dục thể chất I	1	Học phần tự chọn BB - Kỹ năng mềm
	5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	Học phần tự chọn tự do
	5413001	Ngoại Ngữ cơ bản	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	5413002	Ngoại Ngữ I	3	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505187	Nhập môn ngành Điện tử- Viễn thông	1	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505211	TH nhập môn Điện tử- Viễn thông	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505080	TH Tin học đại cương	1	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505097	Tin học đại cương	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5305004	Vật Lý Điện - Từ	2	Học phần tự chọn tự do
2	5319003	Giải tích II	2	Học phần bắt buộc - Chứng chỉ
	5013002	Giáo dục thể chất II	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1	Học phần tự chọn BB - Kỹ năng mềm
	5505042	Kỹ thuật lập trình C	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505178	Lý thuyết mạch điện tử 1	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5413003	Ngoại Ngữ II	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5209002	NLCB của CNMLN I	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5211005	Pháp luật đại cương	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505199	TH điện cơ bản	1	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505070	TH Kỹ thuật lập trình C	1	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505082	TH Tin học văn phòng	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505098	Tin học văn phòng	2	Học phần bắt buộc - Chứng chỉ
	5505108	Toán chuyên ngành	2	Học phần bắt buộc - Chứng chỉ
	5305002	Vật lý Cơ - Nhiệt	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
3	5013003	Giáo dục thể chất III	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505155	Hệ điều hành	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505176	Linh kiện điện tử	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505179	Lý thuyết mạch điện tử 2	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5413004	Ngoại ngữ III	2	Học phần bắt buộc - cơ sở

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
	5209003	NLCB của CNMLN II	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505066	TH Điện tử	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505115	Tư duy thiết kế	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5305005	Vật Lý Quang - Nguyên tử	2	Học phần tự chọn tự do
	5504085	Vẽ kỹ thuật	2	Học phần tự chọn tự do
4	5505234	Cấu trúc dữ liệu - thuật toán	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505027	Đo lường điện - điện tử	2	Học phần bắt buộc - Chứng chỉ
	5209001	Đường lối CM của ĐCSVN	3	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5013004	Giáo dục thể chất IV	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505035	Kỹ thuật cảm biến	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505043	Kỹ thuật mạch điện tử	3	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505048	Kỹ thuật xung số	3	Học phần tự chọn tự do
	5413005	Ngoại Ngữ IV	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505100	TN Đo lường và Cảm biến	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5319005	Xác suất Thống kê	2	Học phần tự chọn tự do
5	5505001	An toàn điện	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505241	Cấu trúc phần cứng máy tính	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505127	Cơ sở dữ liệu I	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505134	Công nghệ vi điện tử	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5507014	Giáo dục Môi trường	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505164	Kỹ thuật vi điều khiển A	2	Học phần tự chọn tự do
	5505047	Kỹ thuật Vi xử lý	2	Học phần tự chọn BB - Kỹ năng mềm
	5505184	Ngoại ngữ chuyên ngành ĐTVT	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5413006	Ngoại Ngữ V	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5502006	Phương pháp học tập NCKH	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505086	TH Xung số & ứng dụng	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505103	TN mạch điện tử	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505116	Xử lý tín hiệu số	2	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
	6	5505133	Công nghệ RFID	2
5505139		Điều khiển thông minh	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
5505145		Đồ án VT1	2	Học phần tự chọn BB - Kỹ năng mềm
5505029		Hệ thống nhúng	2	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
5502002		Khởi nghiệp - việc làm	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
5505168		Lập trình hướng đối tượng	2	Học phần tự chọn BB - Kỹ năng mềm

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
		Java		
	5505174	Lập trình ứng dụng	2	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
	5505182	Mạng máy tính truyền thông	2	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
	5505054	Matlab và simulink	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505210	TH Mạng máy tính và truyền thông	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505214	TH vi điều khiển A	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505264	Thông tin số	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505233	Xử lý ảnh	2	Học phần tự chọn BB - Kỹ năng mềm
7	5505125	Chuyên đề ngành Điện tử - Viễn thông	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505129	Cơ sở và ứng dụng IOTs	2	Học phần tự chọn BB - Kỹ năng mềm
	5505013	Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505146	Đồ án VT2	2	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
	5505154	Dự án khởi nghiệp VT	1	Học phần tự chọn BB - Kỹ năng mềm
	5502008	Kỹ năng lãnh đạo	1	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
	5505167	Lập trình di động	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505275	Lập trình Python	3	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
	5505276	Lý thuyết học sâu và ứng dụng	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5502005	Phát triển dự án	2	Học phần tự chọn BB - chuyên ngành
	5505069	TH ĐK ghép nối TB ngoại vi	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505074	TH lập trình nhúng	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505221	Thiết kế vi mạch số	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505287	Thiết kế Web cơ bản	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
8	5505144	Đồ án Tốt nghiệp VT	10	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505159	Học kỳ doanh nghiệp VT	5	Học phần bắt buộc - chuyên ngành

2.5. Mô tả tóm tắt các học phần

Nhập môn ngành Điện tử- Viễn thông (LT+TH)

Học phần cung cấp cho người học hiểu biết cơ bản về ngành Công nghệ Kỹ thuật điện tử - viễn thông(chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử, máy tính và truyền thông), tạo sự đam mê, hứng thú cho sinh viên về nghề nghiệp kỹ thuật và ngành học của mình. Sinh viên sẽ được làm quen, giới thiệu các công nghệ kỹ thuật tiên tiến đã, đang và sẽ được ứng dụng trong thực tế. Học phần cũng trang bị cho sinh viên nội dung liên quan đến chương trình đào tạo, phương

pháp học tập và việc lập kế hoạch học tập cá nhân cũng như cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra sinh viên còn được làm quen, thực tập nhập môn tại các xưởng, PTN.

Linh kiện điện tử

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, đặc tuyến, thông số kỹ thuật và ứng dụng của các linh kiện điện tử như Diode, BJT, FET, UJT, SCR, TRIAC, DIAC, OP-AMP và các linh kiện quang điện tử thông dụng. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích, tính toán thông số kỹ thuật và thiết kế các mạch điện tử cơ bản như: mạch chỉnh lưu, mạch nguồn DC, mạch khuếch đại thuật toán, các mạch điều khiển dùng SCR, TRIAC, DIAC, mạch ứng dụng của các linh kiện quang điện tử và các mạch điện tử ứng dụng trong thực tế.

An toàn điện

Giới thiệu cơ sở lý thuyết về khí cụ điện: giới thiệu chung, lực điện động trong khí cụ điện, sự phát nóng trong khí cụ điện, hồ quang điện, tiếp xúc điện,... Giới thiệu các khí cụ điện được sử dụng trong hệ thống phân phối điện năng, hệ thống điều khiển, hệ thống điện hạ áp.

Lý thuyết mạch điện tử 1

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hai định luật Kirchhoff 1,2. Các phương pháp phân tích mạch: dòng điện nhánh, phương pháp dòng điện vòng, phương pháp điện áp nút. Các định lý về mạch: định lý Thevenin – Norton, định lý xếp chồng. Áp dụng các phương pháp phân tích mạch vào các bài toán xác lập và quá độ.

Lý thuyết mạch điện tử 2

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đồ thị Bode, phương pháp vẽ đồ thị Bode gồm đặc tuyến pha, đặc tuyến biên độ. Mạng bốn cực tuyến tính tương hỗ và bốn cực tuyến tính không tương hỗ và ứng dụng của bốn cực.

Đo lường điện – điện tử

Giới thiệu cơ sở lý thuyết của kỹ thuật đo lường; các khái niệm cơ bản và định nghĩa, mạch đo và thiết bị đo, đo lường những đại lượng điện (dòng điện, điện áp, công suất, điện năng, góc pha, tần số...), đo thông số của mạch điện. Các nguyên lý và phương pháp đo lường tín hiệu điện tử bằng các thiết bị đo điện tử.

TN đo lường điện & cảm biến

Phương pháp đo các đại lượng không điện: đo nhiệt độ, đo áp suất, đo lực và moment, đo RLC sử dụng các mạch cầu và phương pháp trở kháng, TN đo lường độ dịch chuyển, đo góc, tốc độ.

Kỹ thuật xung số

Kỹ thuật xung số là môn cơ sở ngành, được ứng dụng rộng rãi trong các hệ thống tự động, vi điều khiển, vi xử lý. Môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về tín hiệu xung, biến đổi xung, khoa điện tử, các hệ thống số đếm, các loại mã thông dụng, đại số Boole các phương pháp biểu diễn hàm, các phần tử logic cơ bản. Trên cơ sở đó tính toán, thiết kế các mạch tạo xung, các hệ tổ hợp và hệ tuần tự.....

Tư duy thiết kế

Học phần này trang bị cho các em sinh viên những kiến thức cơ bản về tư duy thiết kế. Sinh viên cũng được trang bị các công cụ và quy trình để thúc đẩy tư duy thiết kế: kỹ thuật và kinh nghiệm về nhận định vấn đề cần giải quyết, xây dựng và chọn lựa ý tưởng, thiết kế một nguyên mẫu theo ý tưởng đã chọn lọc.

Kỹ thuật cảm biến

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý cấu tạo, cơ chế hoạt động, các thông số đo lường, phạm vi ứng dụng của cảm biến và cơ cấu chấp hành. Trang bị những kiến thức cơ bản cho sinh viên nhằm tạo cơ sở để có thể tính toán và lựa chọn cảm biến trong thiết kế các hệ thống tự động hóa trong điện công nghiệp.

TH điện cơ bản

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết và kỹ năng nghề cơ bản liên quan đến kỹ thuật điện. Các nội dung chính gồm thực hành đo, lắp đặt điện chiếu sáng, thực hành mạch điều khiển và thao tác trên các thiết bị, khí cụ điện phổ biến khác.

TH điện tử

Học phần này cung cấp các kỹ năng cơ bản ban đầu của nghề điện tử, sinh viên hoàn thành học phần này sẽ sử dụng thành thạo các thiết bị được sử dụng phổ biến như: các loại đồng hồ để đo các đại lượng cường độ dòng điện, điện áp..., các loại máy hiện sóng. Đồng thời sinh viên nắm được cách nhận dạng và đọc thông số của các linh kiện điện tử và ứng dụng để làm một số mạch điện tử cơ bản.

TH xung số & ứng dụng

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản thực hiện các mô phỏng, phân tích, khảo sát các mạch xung số. Mục tiêu của HP là củng cố kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng phân tích và thực thi mạch, tổng hợp tạo ra các mạch ứng dụng phù hợp. Nội dung HP gồm 3 phần: Thí nghiệm ảo trên máy tính, khảo sát các mạch xung số cơ bản và cuối cùng là thi công một sản phẩm ứng dụng.

Kỹ thuật mạch điện tử

Cung cấp các kiến thức cơ bản về phân giải mạch điện bằng mô hình tương để tính toán các mạch khuếch đại tần số thấp và trung bình. Các chỉ tiêu kỹ thuật và tần số hoạt động của các mạch khuếch đại dùng BJT, FET và khuếch đại thuật toán. Mô hình tương đương của BJT và FET, phân cực cho Transistor. Các tầng khuếch đại tín hiệu nhỏ. Hồi tiếp âm trong mạch khuếch đại. Tầng khuếch đại công suất. Các tầng số khuếch đại vi sai. Khuếch đại thuật toán và ứng dụng.

Xử lý tín hiệu số

Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về tín hiệu số và xử lý tín hiệu số. Các tính chất, đặc điểm, phương pháp phân tích và xử lý đối với tín hiệu số. Các ứng dụng phổ biến trong xử lý tín hiệu số.

Cấu trúc máy tính

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kiến trúc phần cứng của một máy vi tính: kiến trúc cơ bản, nguyên lý hoạt động, bus và phương pháp truyền thông tin trong máy vi tính, các phương pháp VÀO-RA dữ liệu, các thiết bị nhớ, các thiết bị điều khiển và giao diện VÀO-RA dữ liệu, các thiết bị ngoại vi, thiết bị lưu trữ. Các công nghệ cập nhật liên quan đến phần cứng máy tính.

Kỹ thuật vi điều khiển A

Cung cấp cho người học các khái niệm về hệ thống xử lý, nguyên tắt hoạt động của một máy tính đơn giản, cách viết chương trình điều khiển ứng dụng vi điều khiển trong việc điều khiển các thiết bị ngoại vi thông dụng. Sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ có thể viết được các chương trình điều khiển đơn giản.

TH vi điều khiển A

Trên cơ sở kiến thức đã học trong các môn kỹ thuật Xung- Số và môn Kỹ thuật Vi điều khiển. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức thực tế từng bước thiết kế một hệ thống điều khiển các thiết bị ngoại vi dựa trên nền vi điều khiển thông dụng đã được học (8051), cách thức xây dựng một chương trình điều khiển và sửa lỗi và tối ưu chương trình. Kết quả của quá trình thực tập người học phải xây dựng được phần cứng, biên dịch được chương trình dịch và nạp vào vi điều khiển cũng như đánh giá hoạt động điều khiển và toàn bộ sản phẩm của mình.

Điều khiển ghép nối thiết bị ngoại vi

Học phần cung cấp các kiến thức cơ sở về kỹ thuật ghép nối thiết bị ngoại vi: ghép nối và điều khiển qua cổng song song LPT, chuẩn nối tiếp UART, cổng USB. Thiết kế card giao tiếp máy tính, ghép nối PC với thiết bị ngoại vi.

TH ĐK ghép nối thiết bị ngoại vi

Học phần nhằm rèn luyện các kỹ năng thiết kế và lập trình cho các ứng dụng giao tiếp, điều khiển thông qua máy tính. Trọng tâm của học phần là lập trình ứng dụng khai thác các tài

nguyên phần cứng của máy tính, giao tiếp máy tính với vi điều khiển thông qua các cổng USB, các chuẩn giao tiếp nối tiếp và song song.

Đồ án VT1

Học phần này hướng dẫn cho sinh viên biết vận dụng, tổng hợp các kiến thức đã học trong học phần: kỹ thuật mạch điện tử, kỹ thuật xung số, kỹ thuật cảm biến, đo lường điện – điện tử và một số môn học cơ sở khác để thiết kế thi công các mạch điện tử ứng dụng.

Kỹ thuật lập trình (LT+TH)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập trình cơ bản. Làm nền tảng để tiếp cận với các ngôn ngữ lập trình có liên quan đến chuyên ngành của mình, làm cơ sở cho học phần lập trình hợp ngữ, vi điều khiển.

TN Kỹ thuật mạch điện tử

Học phần nhằm củng cố các kiến thức đã học bằng các thực nghiệm tại phòng thí nghiệm. Sinh viên được kiểm chứng lý thuyết bằng các thực nghiệm thực tiễn trên các thiết bị và linh kiện.

Kỹ thuật vi xử lý

Cung cấp cho người học các khái niệm về hệ thống xử lý, nguyên tắt hoạt động của một máy tính đơn giản, cách thức lưu trữ thông tin dựa trên kỹ thuật truy cập trực tiếp bộ nhớ kết hợp với kỹ thuật ngắt. Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể thiết kế một hệ thống điện tử số và viết được một số chương trình điều khiển đơn giản.

Thiết kế vi mạch số

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức liên quan đến ngôn ngữ và lập trình phần cứng trên nền tảng ngôn ngữ mô tả phần cứng VHDL để thiết kế các mạch số trên FPGA.

TH lập trình nhúng

Học phần Thực hành Hệ thống nhúng nhằm cung cấp các kiến thức và kỹ năng về quy trình phát triển phần cứng/phần mềm cho một hệ thống nhúng trên FPGA, và khả năng thiết kế vi mạch số như: mạch tổ hợp, mạch tuần tự và các ứng dụng sử dụng ngôn ngữ mô tả phần cứng VHDL, viết chương trình mô phỏng dạng sóng để đánh giá, kiểm tra và hoạt động thực tế trên kit thí nghiệm Altera DE2.

Hệ thống nhúng

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nền tảng phần cứng và phần mềm nhúng. Học phần cũng trang bị các kiến thức cơ bản về khả năng thiết kế và phát triển các hệ thống nhúng trên cơ sở mạch Logic có khả năng lập trình được (FPGA), cụ thể như Kiến trúc Bus (Bus Architecture), Thiết bị ngoại vi (GPIO, UART, Timer, Counter...), Bộ nhớ nhúng (Embedded Memory).

Matlab và Simulink

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về MATLAB, lập trình trong MATLAB, các phép toán với ma trận và vector đồ họa trong MATLAB, giao diện người sử dụng (GUI), mô phỏng, thiết kế trực quan (Simulink). Học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích, biểu diễn, xử lý tín hiệu trong MATLAB, kiến thức về phương pháp mô phỏng giải tích các mạch điện tử, ứng dụng MATLAB trong việc lập trình giải quyết các vấn đề về kỹ thuật, điều khiển, mô phỏng, xử lý các bài toán và mô hình.

Học kỳ doanh nghiệp

Là học phần tự chọn tự do không bắt buộc ích lũy. Ở học kỳ doanh nghiệp, thay vì SV học tập, thực hành tại trường thì SV được đi học tập, thực tập tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, được nhà trường và doanh nghiệp cử GV hướng dẫn, thực hiện. SV được nhà trường và doanh nghiệp cùng cấp chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học.

Đồ án tốt nghiệp

Là học phần chuyên ngành bắt buộc, người học ứng dụng các kiến thức và chuyên môn đã được đào tạo để thực hiện các đề tài chuyên sâu nhằm tìm hiểu, phân tích, đánh giá, khảo sát, thực nghiệm, nghiên cứu thiết kế, xây dựng các mô hình giải quyết các nhiệm vụ và yêu cầu thực tiễn thuộc chuyên ngành. Mỗi SV được phân công một GV hướng dẫn chính, các đề tài



nghiên cứu được lập và công bố đề cương, chi tiết tiến độ thực hiện, có một hội đồng đánh giá kết quả thực hiện.

Mạng máy tính truyền thông

Học phần này cung cấp những khái niệm chung về mạng máy tính, các loại mạng, các thành phần cơ bản của mạng và nguyên lý hoạt động của mạng. Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản để có thể theo học tiếp các môn học nâng cao liên quan đến mạng máy tính sau này như : thiết kế mạng và bảo mật.

TH mạng máy tính truyền thông

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về mạng máy tính như sự hình thành một mạng máy tính, cấu tạo Router, nguyên lý hoạt động của các loại giao thức định tuyến. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích một hệ thống mạng, tính toán cấu hình thông số địa chỉ IP cho một mạng. Cấu hình các loại Router ADSL thông dụng. Thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng LAN-WLAN cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Lập trình di động

Học phần này giúp sinh viên tìm hiểu về nền tảng của lập trình di động, luyện tập dựa trên nền tảng lập trình trực tuyến dưới sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên. Lớp học theo hướng từ lý thuyết đến thực hành lập trình thông qua việc tạo các ứng dụng đơn giản. Từng bước sinh viên có thể tạo ra một ứng dụng Android, hiểu rõ kỹ năng lập trình di động nói chung và Android nói riêng.

Cấu trúc dữ liệu & giải thuật

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức tổ chức dữ liệu của các ngôn ngữ lập trình, vận dụng các cấu trúc dữ liệu vào việc giải các bài toán thực tế trên máy tính. Giới thiệu một số thuật toán về sắp xếp dữ liệu, tìm kiếm dữ liệu. Tạo cơ sở cho sinh viên sử dụng các cấu trúc dữ liệu đã được xây dựng sẵn trong thư viện các ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng.

Lập trình hướng đối tượng Java

Học phần này trang bị kiến thức và kỹ năng lập trình hướng đối tượng, làm nền tảng để sinh viên tiếp cận với kỹ thuật lập trình hiện đại và mạnh mẽ nhất trong lĩnh vực lập trình và phát triển ứng dụng. Java được chọn làm ngôn ngữ minh họa và phát triển ứng dụng để làm cơ sở cho các công nghệ lập trình khác sẽ được giảng dạy trong chương trình đào tạo.

Cơ sở dữ liệu

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, các mức mô hình hoá, cơ sở toán học liên quan đến cơ sở dữ liệu. Biết cách thiết kế và khai thác có hiệu quả trên cơ sở dữ liệu quan hệ. Dùng ngôn ngữ SQL để thao tác và truy vấn dữ liệu. Rèn luyện kỹ năng làm việc trên một hệ quản trị cơ sở dữ liệu tiêu biểu.

Hệ điều hành

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu trúc, các chức năng và các thành phần cơ bản của Hệ điều hành. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về các nguyên lý cơ bản, các giải thuật liên quan đến hoạt động của Hệ điều hành và áp dụng các giải thuật đó để xây dựng các chương trình mô phỏng.

Lập trình Java nâng cao

Học phần này trang bị kiến thức và kỹ năng lập trình Java nâng cao, đề cập các chủ đề lập trình cơ sở dữ liệu, lập trình giao diện GUI, lập trình web với servlet & JSP, lập trình đa luồng, lập trình mạng với socket, lập trình phân tán với RMI, lập trình component với JavaBean, làm cơ sở để tiếp cận các kỹ thuật lập trình ứng dụng theo mô hình phân tán.

Thiết kế Web

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Internet, nguyên tắc thiết kế và quản lý một website, các công nghệ chính để xây dựng trang web như HTML, CSS và Javascript. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp các phương pháp thiết kế giao diện web cơ bản bằng Photoshop, Macromedia Dreamweaver, biết cách quản lý và xuất bản Website lên Internet. Học phần này tạo tiền đề cho việc phát triển và lập trình Web động.

Cơ sở và ứng dụng IoTs

Học phần này cung cấp cho sinh viên các khái niệm về IoT trong đó tập trung vào các nền tảng (nền tảng phần cứng và phần mềm ứng dụng có thể ứng dụng trong IoT), các giao thức M2M (các giao thức truyền thông có thể ứng dụng trong IoT : Zigbee, Bluetooth, IEEE 802.15.4, IEEE 802.15.6, IEEE 802.15.11) và các cơ chế xử lý dữ liệu và thông tin.

Tin học đại cương

Học phần này trang bị các kiến thức & kỹ năng sử dụng máy tính cho tất cả sinh viên các ngành, định hướng người học về khả năng ứng dụng máy tính & Internet.

Tin học văn phòng

Học phần này trang bị những kiến thức và kỹ năng để khai thác và sử dụng chuyên nghiệp các trình ứng dụng của bộ MS Office trong công tác văn phòng. Khai thác các tính năng cao cấp chuyên sâu trong các công việc: Soạn thảo văn bản với trình ứng dụng Word, Tạo và làm việc trên bảng tính với trình ứng dụng Excel, Tạo một báo cáo công việc với trình ứng dụng Power Point.

Công nghệ RFID

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về Công nghệ RFID (Radio Frequency Identification) là công nghệ nhận dạng đối tượng bằng sóng vô tuyến, cho phép một thiết bị đọc thông tin chứa trong chip ở khoảng cách xa, không cần tiếp xúc trực tiếp, không thực hiện bất kì giao tiếp vật lý nào giữa hai vật không nhìn thấy.

TH nhập môn Điện tử- Viễn thông

Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về thực hành nghề nghiệp kỹ thuật trong lĩnh vực điều khiển và tự động hóa. Đồng thời qua học phần này sinh viên cũng được thực hành phương pháp làm việc nhóm, phương pháp thuyết trình. Học phần thực hành nhập môn nhằm tạo sự đam mê hứng thú cho các em sinh viên về nghề nghiệp kỹ thuật, về ngành học.

Xử lý ảnh

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của lĩnh vực Xử lý ảnh và video số để sinh viên có được nền tảng vững chắc khi cần đi sâu vào nghiên cứu hay phát triển các ứng dụng thực tế liên quan đến Thị giác máy tính. Sinh viên tiếp cận với các vấn đề trong Xử lý ảnh số như tăng cường chất lượng ảnh, phục hồi ảnh nhiễu và phát hiện các đặc trưng ảnh (xây dựng bộ phát hiện điểm ảnh, cạnh, vùng ảnh quan trọng), xử lý ảnh nhị phân, mã hóa và nén ảnh. Các kỹ thuật cơ bản trong xử lý video như như trừ nền (tách các đối tượng di chuyển ra khỏi phông nền), ước lượng chuyển động (nhằm theo vết hoặc giả lập đường đi của đối tượng di chuyển), và ráp nối video panorama (kết hợp các đoạn video cùng quay một cảnh ở các góc nhìn khác nhau mà vẫn đảm bảo tính nhất quán theo thời gian).

Điều khiển thông minh

Môn học đề cập đến các phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống điều khiển thông minh. Nội dung chính của môn học bao gồm: đặc điểm và cấu trúc của hệ thống điều khiển thông minh; phương pháp thiết kế hệ thống điều khiển dựa vào tri thức, hệ thống điều khiển dựa vào mô hình, hệ thống điều khiển thích nghi và điều khiển học dùng các kỹ thuật tính toán mềm như logic mờ, mạng thần kinh nhân tạo và giải thuật di truyền; lý thuyết săn mồi và ứng dụng trong điều khiển; ví dụ về các hệ thống điều khiển thông minh trong công nghiệp

Kỹ thuật truyền số liệu

Học phần này là học phần cơ sở để học các học phần khác như xử lý tín hiệu số, cấu trúc dữ liệu và giải thuật. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mạng truyền thông, hiểu được cách mã hóa dữ liệu và các phương thức truyền dữ liệu giữa các máy tính. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng phán đoán và xây dựng các liên kết truyền dữ liệu, điều khiển liên kết dữ liệu như các phương thức điều khiển dòng, kỹ thuật ghép và tách kênh, cơ chế kiểm soát lỗi khi truyền dữ liệu, tạo cho sinh viên cái nhìn tổng quan về mạng truyền số liệu ứng dụng trong thực tế.

Công nghệ vi điện tử

Học phần công nghệ vi điện tử cung cấp các kiến thức cơ bản về các kỹ thuật liên quan đến mạch tích hợp dựa trên linh kiện MOS. Bắt đầu từ quy trình chế tạo vi mạch từ một phiến

bán dẫn đến đóng gói một vi mạch hoàn chỉnh. Phương pháp thiết kế và kỹ thuật layout cũng được trình bày trong học phần này. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu đến người học những kỹ năng cơ bản trong quá trình gắn linh kiện trên PCB. Kiến thức về các phương pháp lập trình vi mạch cũng được giới thiệu.

Lập trình ứng dụng

Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng căn bản về lập trình lập trình có cấu trúc. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng đưa ra giải pháp và thành thạo lập trình các bài toán viết bằng ngôn ngữ lập trình C và Matlab. Đồng thời sinh viên có thể áp dụng các kiến thức đã học để hiểu, phân tích và áp dụng lập trình VĐK, lập trình nhúng, lập trình trên di động và giao tiếp máy tính. Ngoài ra sinh viên cũng được thực hành phương pháp làm việc nhóm, phương pháp thuyết trình.

III. ĐỘI NGŨ CBGD VÀ NGUỒN LỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Danh sách đội ngũ giảng viên

Các GV đảm nhiệm việc giảng dạy các HP cơ sở và chuyên ngành:

3.1.1. Danh sách các giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

TT	Họ Tên	Chức danh
1.	TS. Nguyễn Linh Nam	Giảng viên chính
2.	TS. Trần Hoàng Vũ	Giảng viên chính
3.	TS. Nguyễn Thị Khánh Hồng	Giảng viên chính
4.	ThS. Phạm Văn Phát	Giảng viên
5.	ThS. Phan Ngọc Kỳ	Giảng viên
6.	ThS. Nguyễn Văn Thịnh	Giảng viên chính
7.	ThS. Trần Duy Chung	Giảng viên
8.	ThS. Võ Thị Hương	Giảng viên
9.	ThS. Nguyễn Thị Phương Mai	Giảng viên
10.	KS. Lê Hữu Duy	Giảng viên
11.	ThS. Phạm Thị Thảo Khương	Giảng viên
12.	ThS. Trần Thị Khánh Hòa	Giảng viên
13.	ThS. Hoàng Bá Đại Nghĩa	Giảng viên
14.	ThS. Trần Thanh Hà	Giáo viên
15.	ThS. Lê Ngọc Quý Văn	Giáo viên

3.1.2. Danh sách các giảng viên tham gia giảng dạy

TT	Họ Tên	Chức danh
1.	TS. Nguyễn Đức Quận	Giảng viên chính
2.	TS. Trương Thị Hoa	Giảng viên
3.	ThS. Doãn Văn Đông	Giảng viên chính
4.	KS. Trần Minh Hùng	Giáo viên

5.	KS. Trương Thị Ánh Tuyết	Giáo viên
6.	ThS. Cao Nguyễn Khoa Nam	Giảng viên
7.	ThS. Võ Khánh Thoại	Giảng viên
8.	ThS. Phạm Duy Dương	Giảng viên
9.	ThS. Dương Quang Thiện	Giảng viên
10.	KS. Nguyễn Văn Nam	Giáo viên
11.	TS. Hoàng Thị Mỹ Lệ	Giảng viên chính
12.	ThS. Nguyễn Thị Thúy Hoài	Giảng viên
13.	ThS. Trần Bửu Dung	Giảng viên

3.2. Các thiết bị thí nghiệm thực hành - phòng thí nghiệm - lab, phòng máy tính

3.2.1. Phòng thí nghiệm:

- + Phòng thí nghiệm Điện tử
- + Phòng thí nghiệm Hệ thống nhúng và Vi điều khiển
- + Phòng thí nghiệm Tự động hóa
- + Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điện

3.2.2. Xưởng thực hành:

- + Xưởng thực hành Kỹ thuật điện 1
- + Xưởng thực hành Kỹ thuật điện 2
- + Xưởng thực hành Kỹ thuật điện tử
- + Phòng Marker Space

3.2.3. Phòng máy tính:

- + Phòng thực hành máy vi tính 1
- + Phòng thực hành máy vi tính 2
- + Phòng thực hành máy vi tính 3
- + Phòng thực hành máy vi tính 4

3.2.4. Các phương tiện phục vụ đào tạo khác của chuyên ngành

- + Laptop
- + Máy chiếu
- + Các phần mềm chuyên ngành: Matlab, LabView, Orcad, Antium, Protues..

IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Hướng dẫn thực hiện chung

Tất cả các hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá được thực hiện phù hợp với bản đặc tả chương trình đào tạo này. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật hàng năm (thường là những thay đổi nhỏ như chính sách tuyển sinh, đề cương học phần, tài liệu giảng dạy và học tập) và rà soát 2 năm một lần (chủ yếu xem xét lại chuẩn đầu ra của chương trình, thêm hoặc bỏ bớt các học phần) để đáp ứng nhu cầu của các bên có liên quan. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho Trường để xem xét và phê chuẩn theo quy định hiện hành.

Chương trình này là chương trình đào tạo theo tín chỉ, vì vậy:

- + Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).
- + Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.

4.2. Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu:

- + Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.
- + Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.
- + Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.
- + Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.
- + Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 10 năm 2020

BỘ MÔN

Phan Văn Phát

TRƯỞNG KHOA

Đào Văn Vũ

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHAN CAO THỌ